

QUÁN ÂM NGHĨA SỐ KÝ

QUYỂN 3

Thứ ba là thân nghiệp cơ ứng, có hai: Một là nêu ra môn. Hai là từ “Nêu lại văn v.v...” trở xuống là theo đó giải thích, có ba: Thứ nhất là dựa theo văn, có hai: Đầu tiên phân kinh có hai: Một là Phân kinh. Hai là từ “Văn nói v.v...” trở xuống là phân biệt giải thích, có hai: Một là Hỏi về chỉ có người nữ cầu con trai, có hai: “Giải thích là v.v...” trở xuống là trả lời về người nữ không có con là đau khổ, có hai: Một là Nơi các giải thích sai lầm. Hai là từ “Nay giải v.v...” trở xuống dựa vào kinh để giải thích, có hai: Một là cầu nguyện, có hai: Thứ nhất là Đại Sư lược bỏ văn, có hai: Đầu tiên giải thích về con trai, có hai: Một là xương kinh, hai là giải thích nghĩa, có hai: Một là Phân kinh làm ba nghĩa. Hai là từ “Nguyện cùng v.v...” trở xuống là lược bớt hai giải thích. Một, có hai: Một là sơ lược về nguyện hạnh. Hai là từ “Đức nghiệp v.v...” trở xuống là giải thích về đức nghiệp. Hai là giải thích về cầu con gái, có hai: Một là nói về ý giữ lại và lược bớt. Hai là từ “Nữ nhân v.v...” trở xuống là Chương An bác bỏ sai lầm, có hai: Một là bác bỏ các sai hiển bày nghĩa đúng, có hai: Thứ nhất là thuật lại nơi khác lầm mà lập ra: “Vốn có gieo trồng cội rễ phước đức nên mọi người yêu quý kính trọng”. Hai câu này căn cứ vào nghĩa thì hãy còn là đức nghiệp của người nữ, Sư khác sai lầm nói là văn cùng giải thích về con trai, con gái để điều phục nghi ngờ, ý sợ rằng người nghi ngờ, trí tuệ của nam, sự xinh đẹp của nữ, đều do tu tập vun trồng nhân của nhân và trí, chẳng phải bậc Thánh có thể ban cho, không tu mà đạt được thì rơi vào lỗi vô nhân, vì thế trích từ ý kia rằng: “Mọi người đều chép: Quán âm chỉ có thể kết hợp với cha mẹ v.v...” Từ “Riêng hỏi v.v...” trở xuống là nói về nghĩa chính này, có hai: Một là vấn nạn phá bỏ, có hai: Thứ nhất đặt ra nghĩa vấn nạn. Phước tuệ thọ sanh đều do duyên phân rõ, Quán âm đã có thể ban cho duyên sanh ra đó, sao không thể ban cho duyên phước tuệ? Hai là từ “Nạn Quán v.v...” trở xuống là dẫn văn chất vấn. Con trẻ không tu nhân, bậc Thánh không thể làm cho có phước tuệ, mọi người không xưng danh hiệu, thì

làm sao được thoát nạn. Đây là dùng văn hiện tại phá trừ chấp không có nhân, không sử dụng nghĩa giải thích về đồng tâm cầu xin phước. Từ “Nay nói rõ v.v...” trở xuống chính là đặt ra, có hai: Một là giải thích. Quán âm sử dụng khắp cả thế giới ba ngàn, đối với các chúng sanh được tự tại hoàn toàn, người không có duyên sanh ra thì khiến cho gieo trồng duyên sanh ra, người không có phước tuệ cũng có thể khiến cho gieo trồng. Những điều này đều thực hiện trong Trung Ấm, cho nên kinh Trung Ấm chép: “Diệu Giác Như-lai dùng năng lực thần túc, đem vô lượng bốn chúng tám bộ, nhập vào trong Trung Ấm hóa hiện ra giảng đường bảy báu - tòa ngồi bảy báu v.v... Chúng sanh Trung Ấm kia từ bảy ngày cho đến một ngày, cuối cùng tất cả khiến cho an trụ trong tuổi thọ. Như-lai đối với Hóa Phật nói pháp giáo hóa, khiến cho bảy mươi tám ức trăm ngàn na do tha chúng sanh Trung Ấm, phát khởi ý đạo Vô thượng chánh chân”. Kinh nói rất rộng, hãy còn có thể khiến cho chúng sanh Trung Ấm kia phát tâm Bồ-đề, há không thể khiến cho gieo trồng phước tuệ hay sao? Từ “Nay không v.v...” trở xuống là kết luận. Hai là kết luận khen ngợi, có hai: Hai câu đầu là giải thích, bốn câu văn kinh tuy là câu kết luận, cũng là giải thích chỗ nghi ngờ thì thích hợp cả hai hướng, nếu hai câu văn kinh “Gieo trồng cội đức, mọi người yêu kính” chắc chắn thuộc về câu “Sanh nữ đức nghiệp”. Hai là từ “Vấn lễ v.v...” trở xuống là đối chiếu sự lựa chọn giải thích trước đó, có hai: Một là hỏi, Hai là trả lời. Hai là dẫn ra việc. Ba là quán giải thích, có hai: Một là nói về quả báo, có hai: Thứ nhất không có con là đau khổ địa ngục A-tỳ không có ý niệm cầu con, các nơi khác vương vấn nhẹ nhàng nên khổ đau - vui sướng xen lẫn nhau. Chư thiên sáu tầng trời cõi Dục đều có niệm thân ái, vì thế người không có con thì sanh ra khổ não. Từ “Lễ bái v.v...” trở xuống là nói về cơ ứng. Hai là nói về tu nhân, tất cả pháp thiện hữu lậu - vô lậu không ngoài Định - Tuệ, tức là nghĩa về con trai, con gái đều là xưa kia tu tập cùng gọi là tu nhân, không giống như các nạn. Tách biệt dùng thiện của hữu lậu gọi là tu nhân, có hai: Một là Nêu ra chương mục. Hai là từ “Pháp môn v.v...” trở xuống là giải thích nghĩa, có hai: Một là Phân rõ pháp môn, có hai: Thứ nhất là lấy sự biểu hiện Pháp, có hai: Đầu tiên chính là biểu hiện Pháp, có hai:

Một là biểu hiện Pháp thế gian, có hai: Thứ nhất nói về khổ - tập. Từ vô thủy đến nay thường bị si ái, cùng với căn - trần - thức luân tập giúp sức, sanh ra vô lượng con trai, con gái hoặc nghiệp. Quyển thuộc này tất cả chúng sanh không ai có thể xa lìa. Hai là từ “Hoặc ngoại v.v...” trở xuống là đưa ra ngoại thư. Kinh Dịch chép: “Cần đạo

thành nam, khôn đạo thành nữ”. Kinh Lễ chép: “Thiên tử và hoàng hậu giống như dương và âm, Thiên tử tu nam dạy bảo hoàng hậu tu nữ thuận theo”.

Hai là từ “Nếu căn cứ v.v...” trở xuống là biểu hiện xuất thế pháp, có hai: Một là biểu hiện cha mẹ năng sinh. Phật đối với tất cả mà được tự tại, gọi là Quốc Vương, tôn nghiêm giống như cha, kinh giáo chứa đựng lý mở mang trí tuệ, dưỡng dục giống như mẹ, Phật pháp hòa hợp sanh ra ba thừa Tăng, cho nên kinh chép: “từ miệng Phật sanh ra, từ Pháp hóa sanh, đạt được phần Phật Pháp.” Còn quyền trí trải qua duyên có thể thành tựu quả dụng, thật trí sâu xa lý có thể sanh ra quả trí, cho nên tất cả Đức Phật đều do đây sanh ra. Đầu tiên thì quả có thể sanh ra nhân, kể đến thì nhân thường sanh ra quả, cùng nhau thành tựu một nghĩa. Từ “Lại từ v.v...” trở xuống là biểu hiện con trai, con gái sở sanh. Kinh Tịnh Danh chép: “Tâm từ bi là nữ, thiện tâm thành thật là nam”. Trước kia y cứ vào văn này đặt ra bi trí, gọi là con trai, con gái, trí Trung đạo sâu xa tức là thiện tâm thành thật vậy. Quả là tương tự pháp này đặt ra các con trai, con gái, đầu tiên là dùng thiền tuệ đối chiếu với con trai, con gái, kể đến phân chia ba thừa để đối với con trai, con gái, sau là dựa theo Phật tánh thấy đối với không thấy, mà chia ra con trai, con gái. Vì sao? Vì đã lấy thấy tánh làm tướng trượng phu, tức là rõ ràng không thấy là tướng nữ. Lại dựa theo soi chiếu tánh tự có đủ con trai, con gái, Phật tánh chánh quán chắc chắn phá trừ vô minh, là con trai phước đức trí tuệ, Trung đạo từ bi chứa đựng che phủ tất cả, là nữ của có tướng xinh đẹp. Từ “Nay mượn v.v...” trở xuống là kết thúc ý biểu hiện.

Từ “Hỏi: Sao được v.v...” trở xuống là giải thích chất vấn nói về biểu hiện, có hai: Một là Chấp không ngại có chất vấn, có hai: Thứ nhất lập ra lý không có con trai, con gái. Hai là từ “Đại Kinh v.v...” trở xuống là dẫn ra văn không có con trai, con gái, có hai: Một là Đích thực dẫn ra giáo văn, có hai: Thứ nhất dẫn ra văn của Đại thừa. Đại kinh hai mươi tám chép: “Niết-bàn vô tướng, như sắc tướng - thanh tướng - hương vị xúc tướng, sanh trụ hoại tướng, nam tướng - nữ tướng, đây gọi là mười tướng. Kể đến Đại Luận - Tịnh Danh và An lạc hạnh đều nêu ra hai tên gọi con trai, con gái, chẳng phải dùng để hiển bày Vô tướng. Hoặc trong Bất Nhị Môn chép: “Không có định tuệ chính là pháp đã biểu hiện của con trai, con gái”. Từ “Tiểu Thừa v.v...” trở xuống là dẫn văn tiểu thừa. Lý vô tướng cho nên không thể nói năng giải thích, Vô tướng tức là chẳng phải tướng con trai, con gái. Vì không bình đẳng, cho nên lia xa tất cả các tướng con trai, con gái. Từ “Con trai, con gái v.v...” trở xuống

là kết thúc không có gì biểu hiện. Năng biểu hiện con trai, con gái đã không có, thì sở biểu định tuệ ở đâu?

Từ “Đáp Đại thừa v.v...” trở xuống là giải thích ngay chỗ ngăn che mà soi chiếu, có hai: Một là giải thích rộng, có ba: Thứ nhất là nói xin tức nhau, có hai: Đầu tiên căn cứ vào lý diệu bất dứt. Nếu nói về bất dứt thì lý còn không thể nói không có tướng con trai, con gái, há có thể được nói về có con trai, con gái hay sao? Hai là từ “Thiện xảo v.v...” trở xuống là che phủ có - không. Nếu đối với chúng sanh có bốn ích lợi ấy là, hoặc nói không có con trai, con gái, hoặc nói có con trai, con gái, do đó dẫn ra Thiên Nữ, không xa lìa văn tự nói về tướng giải thoát, tánh không tức là thoát thì ngại gì văn tự? Chân chẳng có ba đời mà Tục tức là có, hai đế đã ngay nơi nói năng im lặng không trái nhau. Từ “Phi hữu v.v...” trở xuống là nói về Một là hai vốn hòa hợp, có ba: Một là Pháp Trung đạo cả hai chẳng phải (song phi) thì không có định tuệ, đương thể cùng soi chiếu định tuệ rõ ràng như thế. Nói rằng không hề lìa xa nhau ấy tức là định tuệ không xa lìa pháp tánh. Hai là từ “Thí như v.v...” trở xuống là Dụ. Lẽ nào vì trái phải làm cho một thân khác nhau, lẽ nào có thể một thân mà bỏ đi trái phải? Cả ba hợp lại chỉ có một giác tánh có đức tịch chiếu, gọi là định tuệ, đâu thể hai đức này tạm thời xa lìa giác tánh ư? Ba là từ “Nói định v.v...” trở xuống là nói về định tuệ có đủ lẫn nhau, có hai: Một là dựa theo nghĩa nói về có đủ (cụ), có ba: Thứ nhất là pháp, Nhất giác tĩnh, mình gọi là định tuệ, cho nên hai loại này cuối cùng không bao giờ. Hai là thí dụ trên dùng một thân trái phải, thí dụ cho hai đức không lìa xa một tánh. Hãy còn sợ nói rằng hai đức đó xa lìa nhau, cho nên lấy hai người trái phải để dụ như tu - tánh này. Bát Nhị Môn chép: “Hai và một tánh như nước là sóng, hai cũng không hai cũng như sóng nước”. Nên dùng dụ kia mà suy ra thí dụ này. Ba là từ “Định tuệ v.v...” trở xuống là hợp lại.

Từ “Sao chỉ v.v...” trở xuống là căn cứ vào văn chứng minh giải thích, có hai: Một là Tuệ có Định, con trai vốn biểu hiện cho Tuệ mà bao gồm phước đức, tức là Tuệ có đủ Định. Từ “Văn nói v.v...” trở xuống là Định có đủ Tuệ. Từ tâm gieo trồng tướng: Kinh chép: “Thanh tịnh từ môn sát trần số, cộng sanh nhất diệu tướng của Như-lai”, tức là Từ - Định Vô duyên mà tu tướng đó, đầy đủ lẫn nhau có thể biết. Từ “Cho nên biết v.v...” trở xuống là tổng kết, có hai: Một là dùng một là hai tức nhau để kết luận văn này con trai, con gái đều có đủ hai đức, tức là biểu thị cho hai pháp Định - Tuệ có đủ lẫn nhau. Nếu không phải Thế là một thì sao có thể có lẫn nhau? Do đó dùng có đủ lẫn nhau, hiển bày đối với

Thế là một, cho nên hai mà không hai tụ vào tản ra tự tại. Từ “Lý thật v.v...” trở xuống là dùng nói tức nhau để kết luận. Lý chẳng phải một là hai mà đi đến duyên làm thành hai thuyết. Như vậy nói năng đâu khác gì không nói năng? Kinh chỉ ra con trai, con gái cùng có đức đó, biểu thị cho Định - Tuệ một hai không khác nhau - nói không khác. Có thể hiểu như vậy thì mới đạt được nghĩa biểu thị pháp của văn kinh.

Từ “kế là nói rõ v.v...” trở xuống là ban cho nguyện, có hai: Một là nêu ra nghĩa Môn, có hai: Thứ Nhất nói về mười thứ cảm ứng, có bốn: Đầu tiên là quả báo. Hai là từ “Tu nhân v.v...” trở xuống là điều lành thế gian, có ba: Một là năm giới, có hai: Thứ nhất là biểu thị hành pháp. Hai là từ “Nếu không v.v...” trở xuống là cầu mong nguyện tròn đầy. Người thực hành nếu bị năm thứ hoặc nghiệp, ràng buộc phá rối tâm trì giới, thì nên nghĩ rằng vị lai cảm đến báo ứng khổ đau liền quy mạng Quán Âm, chướng rút lui giới toàn vẹn cả hai mong cầu lập tức đầy đủ. Hai là từ mười điều thiện: Hoặc giống như năm giới thì nói đối đầu nhiếp bốn loại của miệng, Tử tức là ba loại của ý, cùng với tuệ thuộc về con trai. Nếu tự thực hiện kỹ càng, không theo dặt là chân thật thuộc về con trai, không lường thiệt là hòa ái, không ác miệng là mềm mỏng tốt lành thuộc về con gái, không tham si là vô nhiễm - trí tuệ thuộc về con trai, không sân là Từ thuộc về con gái, còn lại giống như năm giới. Ba là từ “Tu thiện v.v...” trở xuống là tám định. Định tức là bốn thiền bốn không đều có tu chứng. Tạm thời nói về Sơ thiền, năm pháp là tu - năm chi là chứng. Tu-lấy lạc dục - tinh tiến - xảo tuệ, ba phương tiện này phân biệt thuộc về con trai, ước niệm - nhất tâm hai phương tiện này vắng lặng tinh tế thuộc về con gái. Nếu chứng các thiền chi thì ba chi Tuệ nhiều thuộc về con trai, hai chi Định nhiều thuộc về con gái.

Nếu nói về Nhị thiền thì có bốn chi: 1. Nội tịnh; 2. Hỷ thuộc về con trai; 3. Lạc; 4. Nhất tâm thuộc về con gái. Tam thiền có năm chi: 1. Xả. 2. Niệm. 3. Tuệ thuộc về con trai. Nếu nói về bốn không: 1. Không xứ định. 2. Thức xứ định. 3. Vô sở hữu định. 4. Phi hữu tưởng phi vô tưởng định. Bốn Định này tuy không có các thiền chi con trai, con gái, mà có bốn ấm vi tế, thông thường lấy Thọ - Tưởng bốn xứ làm nữ, Hành - Thức làm nam. Nếu nói về bốn vô lượng tâm thì từ bi thuộc nữ, Hỷ xả thuộc nam. Nay tạm thời phân biện sơ qua đầy đủ ở tại Thiền Môn, người cần nên xen xét. Ba là bốn Giáo, có bốn: Một là ba tạng, có ba: Thứ nhất là Thanh-văn, có hai: Đầu tiên là biểu thị hành pháp. Sơ lược nêu ra đình tâm để làm tiêu biểu. Niệm xứ cho đến Chánh đạo từng tiết cần phải nói về nghĩa của con trai, con gái, vì các Đạo phẩm không

ngoài hai pháp Định - Tuệ. Duyên Thắng đế lý tức là mười sáu hành quán của bốn đế. Xuất quán v.v... là lúc trải qua sự việc, thường xót cho chúng sanh chấp thường vì đó nói về bốn đế, gọi là Pháp duyên từ. Từ “Nếu không v.v...” trở xuống là cầu mong nguyện tròn đầy. Xuất quán con trai, con gái: Pháp duyên tức là con trai chánh trí, từ bi tức là con gái nhu hòa. Đã chứa đựng Không nhập vào Giả thì trải qua sự việc không nhiệm trước cho nên không sợ các Hữu. Hai là Bích Chi Phật, có hai: Một là Biểu thị hành pháp. Duyên phương tiện v.v... Tức là lúc phạm địa tu phước gieo trồng tướng, gọi là phát khởi Từ quán. Tuệ quán: tức là quán xét mười hai nhân duyên vô thường vô ngã phát chân ước định địa vị của đốn chứng, xuất quán có thể sử dụng. Từ của hai duyên sanh - pháp, ví như con hươu quay đầu nhìn lại ấy, trong Đại Luận dụ ba con thú ở trong vòng vây săn bắt cầu vượt ra không như nhau. Thanh-văn như con hoẵng kinh hãi nhảy ra hoàn toàn không biết đến bầy đàn. Duyên-giác như con hươu tuy quay đầu lại nhìn bầy đàn nhưng sợ hãi không dừng lại chờ. Bồ-tát như con voi lớn, tuy gặp đao tên nhưng che chở bầy đàn cùng nhau vượt ra. Từ “Nếu không v.v...” trở xuống là cầu mong nguyện được đầy đủ. Ba là từ “kế là nói v.v...” trở xuống là Bồ-tát, có hai: Một là Biểu thị hành pháp. Phương tiện trí tuệ, hoặc là phần địa thế trí độ thứ sáu, hoặc trí phân rõ tà chánh của sáu độ, hoặc là trí điều phục hoặc chướng trong sự; đây đều là phương tiện. Loại này còn là con trai, con gái năng sanh, cơ đã che phủ cần phải tu sáu Độ và dùng năm - một mà làm con trai, con gái sở sanh. Hai là từ “Nếu không v.v...” trở xuống là cầu mong nguyện được đầy đủ. hai là Thông giáo, có hai; Một là biểu thị pháp. Tiểu thừa giống như ba tạng chỉ nói về Bồ-tát, phạm địa cũng giống như trước, chỉ đối với chân vị lấy trí làm nam, lấy từ làm nữ. Hai là từ “Cầu nguyện v.v...” trở xuống là nguyện đầy đủ. Ba là Biệt giáo, có hai: Một là trình bày tướng sanh của con trai, con gái. Giáo này ngoại phạm là phá trừ kiến tư sở tu, chánh trợ tác ý hướng về không, so với Trung còn gọi là hữu vi hữu lậu, phước năm Độ nghiêm trang cho nên gọi là nữ, nhưng biết Địa thượng vô tác trí trang nghiêm ở tại tâm tánh này, mới duyên tánh này điều phục tất cả vô minh, gọi đó là nam. Tuy duyên với vô tác vì nghiêng về tu Không, mà còn trái với lý Trung đạo, cho nên con trai, con gái cách xa nhau. Nếu nhập vào nội phạm kiến tư phá bỏ xứ, tâm hướng đến Giả - Trung thuận với bốn tánh, gọi là con trai, con gái liền với nhau. Đến địa vị Hồi hướng chính là tu Trung Quán, gọi là mang Thánh thai. Lúc chứng sơ địa ngay nơi ngăn che mà soi chiếu. Từ và Trí hợp lại phát ra gọi là song sinh, đạt

được niệm bất thối không có lỗi lầm về hai bên, phù hợp kỳ hạn vốn có cho nên Địa gọi là Hoan Hỷ. Từ “Từ Bi v.v...” trở xuống là nói về con trai, con gái có năng sanh sở sanh. Từ trí con trai, con gái ở sơ địa đã là nhân chân thật, tùy ý vận dụng có thể sanh ra con trai, con gái ở địa vị phía trên. Địa vị phía trên lại sanh ra con trai, con gái cực quả, vì thế cho nên chư Phật đều lấy sơ địa, làm ông bà cha mẹ (tổ phụ mẫu). Vẫn theo Từ - Trí được tên gọi, cho nên Từ bi gọi là Đại ấy là vì dứt trừ đau khổ ban cho niềm vui người khác nhận được ân sâu nặng, cho nên gọi là Đại. Thập lực vô úy đã chỉ riêng mình tự chứng, người khác không có thể biết cho nên không gọi là Đại. Bốn là Viên giáo, có hai. Một là Biểu thị pháp. Giáo này đốn tu, tâm ban đầu chính là sử dụng tánh đức Từ - Trí, để làm con trai, con gái, mới phù hợp với văn kinh cả hai có đủ đức nghiệp. Từ không nghiêng về duyên cho nên gọi là xinh đẹp, Từ chính là tướng Phật cho nên gọi là hữu tướng, đầy đủ đức của nữ rồi. Trí xa lìa bên tà cho nên gọi là chất trực, trí chứa đựng muôn thiện cho nên gọi là phước đức, đầy đủ đức của nam rồi. Địa vị tựa như vô minh không che phủ mà che phủ, gọi là ở thai. Từ - trí của Sơ trú không hiển bày mà hiển bày, gọi là song sinh. Chân từ ra khỏi Giả ái kiến chẳng trói buộc, chân Trí hướng đến quả không giống như ái vướng lại, cũng không sợ ấy là Đồng Thể quyền thật, cả hai đều không trói buộc. Hai là từ “Phương tiện v.v...” trở xuống là nguyện mãn. Bốn nói hai phen là phương tiện, Thật báo đồng gọi là Biến dịch, bèn Biến dịch lấy hai cõi là hai loại. Nếu người cõi Thật báo đoạn chứng, tuy chia ra bốn mươi mốt phẩm, nhưng đều là phá trừ đối với chướng quả vô minh, chỉ cầu con trai, con gái Từ - Trí rất ráo, cho nên đối với cõi này luận, về một loại lợi ích, Người cõi Phương tiện đó cần tuy lợi - độn, pháp phân chia tiêm - đốn mà đều là Đại thừa, cùng cầu Phật trí, cõi này chỉ hướng về Thật báo làm ích lợi, chỉ cầu con trai, con gái Từ - Trí phần chân, vì thế cho nên nói về ích lợi cũng chỉ có một thứ. Từ “Lại nữa v.v...” trở xuống làm ba sai khác để phân biệt giải thích, có ba: Một là trình bày và Định phân tán của trời người, có hai: Thứ nhất là nói về đức của thiên Hữu lậu thiện. Bốn cõi trời ở hư không nhân cũng tu Định, vì tán tâm mạnh cho nên chỉ gọi là nam. Ví như bốn Không này vì Định mạnh cho nên hợp lại nói chỉ có nữ. Các chi của bốn Thiên đã phù hợp với Định - Tuệ thì gọi là con trai, con gái, cùng lúc mà đạt được cho nên nói là Nhất Tâm. Từ “Từ ba cõi v.v...” trở xuống là chê trách không có công chuyển sanh ra. Công đức ba cõi tuy gọi là Định - Tuệ, mà đều là mùi vị của ái, hoặc xen lẫn tà kiến đều thuộc về hữu lậu, vì thế cho nên con trai, con

gái không có dụng chuyển động sanh ra. Từ “Từ Nhị thừa v.v...” trở xuống là nói về trí - đoạn của Tạng giáo và Thông giáo, có hai: Một là trình bày có đức của vô lậu. Từ “Từ Nhị thừa v.v...” trở xuống nói về không có cái mất của Trung đạo. Đại kinh đã dùng thấy Phật tánh ấy gọi là trượng phu, cho nên không thấy tánh đều gọi là người nữ, các Định vô lậu không thể phát sanh trí của Trung đạo, cho nên giống như phụ nữ không sinh (Thạch nữ). Nhị thừa nghiêng về Không gọi là Định nhiều, Bồ-tát nghiêng về Giả gọi là Tuệ nhiều. Định Tuệ này đều không thể nhìn thấy, tánh của ba đức vắng lặng và soi chiếu bình đẳng. Bồ-tát Ca diếp Niết-bàn trước, chẳng lẽ là ngoại đạo hay sao? Gọi là tà kiến vì chưa vượt ra hai bên, so với Trung gọi là Tà. Từ “Chỉ có v.v...” trở xuống nói về Trú, Địa của Biệt giáo, Viên giáo. Tu nhân tuy khác nhau mà chứng đạo là giống nhau, đây chính là tánh đức duyên liễu, nói lên là định tuệ trong quả. Từ “Cho nên biết v.v...” trở xuống là bài bác sự hạn cục của thuyết khác. Thứ ba là khuyên trì, có hai: Một là xét định văn kinh. Hai là từ “Khuyên trì v.v...” trở xuống là giải thích nghĩa, có ba: Một là khuyên trì. Hai là tìm hiểu suy lường, có hai: Một là Xét định. Hai là từ “So sánh lượng v.v...” trở xuống là giải thích, có bốn: Một là So sánh lượng căn bản. Kinh nêu ra sáu mươi hai ức hằng hà sa không nhiều không ít. Trong kinh Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm chép: “Tam thiên đại thiên thế giới này hiện trú ở thế gian, các Pháp vương tử có sáu mươi hai ức hằng hà sa số, tu pháp lưu truyền phép tắc giáo hóa chúng sanh, thuận theo chúng sanh phương tiện trí tuệ tất cả đều không giống nhau”. Đã là Bồ-tát hiện trú nơi cõi Ta bà, vì thế cho nên đặc biệt đưa ra căn bản để so sánh. Hai là hỏi. Ba là trả lời, bốn là chính là tìm hiểu suy lường, có hai: Một là Dựa theo Giáo để giải thích, có hai: thứ nhất dựa theo Phật nhãn chỉ ra sơ lược, có ba: Đầu tiên lấy ít tìm hiểu nhiều. Hai là bắt đầu hỏi và giải thích trả lời, có hai: Một là dùng tình ý con người để hỏi. Hai là từ “Đáp: Phật v.v...” trở xuống là dựa theo Phật nhãn trả lời. Phật nhãn vốn soi chiếu xứng hợp với số lượng pháp giới, tứ sự nhiều pháp giới không tăng lên, tứ sự ít pháp giới không giảm xuống, cho nên nói công đức chính là ngang nhau. Từ “vì sao v.v...” trở xuống đối chiếu thuyết khác giải thích để giải thích rộng ra, có hai: Một là Hỏi. Tuy chỉ ra Phật nhãn xứng hợp với số lượng không sai lầm, nhưng ý đó khó hiểu, cho nên phải bắt đầu hỏi. Trước tiên dẫn ra xưa kia giải thích mới làm sáng tỏ nghĩa hiện nay. Hai là từ “Xưa giải v.v...” trở xuống là trả lời, có hai: Một là thuật lại trước đây giải thích sai, có năm: Thứ nhất là dẫn ra người khác luận bàn. Phước đó thật sự

đặc biệt: nghĩa là phước của sáu mươi hai ức thật sự hơn hẳn Quán Âm, chỉ là phương tiện dẫn ra người khác luận bàn, cách giải thích này rất sai lầm, ý phá trừ có thể biết. Từ “Hai là nói v.v...” trở xuống là ruộng có cao thấp, đối chiếu sự thua kém nói lên sự thù thắng. Không thấy đức chứng lý của Quán Âm, làm sao gọi là khen ngợi? Ba là tâm có sâu đậm và hờ hững. Bốn là lúc hiểu lúc không hiểu. Ý nói là Quán âm tuy ít, lúc xưng danh hiệu tâm hiểu được hiện tiền, sáu mươi ức tuy nhiều, lúc cúng dường tâm hiểu rõ không phát ra, vì thế cho nên nhiều - ít được phước mới như nhau. Hai cách giải thích này đều ở tại trì danh và cúng dường, tốt và xấu của tâm cách xa khen ngợi công đức vậy. Năm là có duyên và không có duyên. Cha mẹ có duyên sanh ra và nuôi nấng, cho nên phước của cung dưỡng sâu dày và tội của phỉ báng nặng nề, người đi đường không có duyên cho nên nông cạn. Văn tuy không gạt bỏ mà lý cũng hoàn toàn sơ sài, há có thể Quán Âm chỉ ủng hộ chúng sanh có duyên hay sao? Từ “Nay nói rõ v.v...” trở xuống là nói về nghĩa hiện nay là đúng, có hai: Một là nói nay lập ra nghĩa, có hai: Thứ nhất dựa theo thực tế để giải thích. Một hay nhiều người - pháp đều không có tánh tướng, hai không đã nói lên một sự thật rõ ràng ở đây, còn thì Giả - Thật tạm thời chia ra, mất thì Một là nhiều rối ráo như nhau, còn - mất không hai mới chính gọi là như nhau. Từ “Trong một v.v...” trở xuống dùng kệ trong kinh để giải thích. Đưa ra kệ trong Hoa nghiêm để giải thích ý kinh này, vì một và vô lượng đều cùng chung thực tế, cho nên cùng có thể giải thích đầy đủ. Vì nhiều thực tế sanh ra một Quán âm, cho nên chẳng phải một. Vì một thực tế sanh ra nhiều hà sa, cho nên chẳng phải nhiều. Một và nhiều đó đã không có tánh quyết định, cho nên sanh ra chẳng phải thật lẫn nhau. Căn cứ theo Sự - Lý đó thì sự nói là tướng của một và nhiều, Lý nói là Thể của hòa hợp nhau. Cần thận chớ lấy nhiều làm Sự - lấy một làm Lý!

Từ “Pháp Hoa v.v...” trở xuống là dẫn ra luận này chứng minh luận vì trì sáu mươi hai ức-hà-sa. Danh hiệu Phật làm đối chiếu số lượng ấy, xưa chép: Luận sai, bởi không hiểu rõ ý luận. Nay dẫn ra đầy đủ văn trong luận và Kinh Khê giải thích, mới biết nghĩa đó.

Luận chép: “Thọ trì danh hiệu Quán Âm, và sáu mươi hai ức hằng hà sa danh hiệu chư Phật, phước đó bình đẳng là có hai loại nghĩa: Một là vì lực của niềm tin, hai là vì biết tất cả. Năng lực của niềm tin lại có hai: Một là cầu mình như Quán Âm, vì tin tưởng hoàn toàn. Hai là sanh tâm cung kính như công đức kia, mình cũng đạt được. Hai là biết tất cả vì quyết định biết pháp giới, pháp giới ấy gọi là pháp tánh, Bồ-tát sơ địa

có thể chứng nhập thân bình đẳng với tất cả chư Phật. Thân bình đẳng gọi là chân như Pháp thân. Vì thế cho nên thọ trì Quán Âm, cùng với sáu mươi hai ức hàng sa chư Phật, công đức không sai khác”. Kinh Khê chép: “Lấy điều này nghiệm xét biết rằng, cần phải dựa vào giải thích đầy đủ. Vì sao? Vì trong hai nghĩa, lực của niềm tin dựa theo Sự - cứu cánh dựa theo Lý, Sự Lý giúp đỡ nhau mới thành tựu sở niệm”. Như trong hai năng lực của niềm tin, đã nói cầu thân mình như Quán Âm, tức là chỉ cho hóa thân. Lại chép: Công đức Quán Âm mình cũng đạt được, chính là chỉ về Báo thân nguyện ngang bằng với báo ứng, mới chính là thành tựu niệm. Người chỉ niệm quả đức, đâu cần phải biết đến Lý, vì thế nghĩa kế là chép: Biết những pháp giới v.v... Tiếp tục dẫn ra chứng vị, tức là Sơ địa tạm thời dẫn ra người chứng, khiến cho người nhận biết được, do đó biết nếu niệm ba thân Quán Âm, thì phải lại lấy niệm Phật để đối chiếu. Nếu nói theo niệm Pháp thân thì cho dù dẫn ra Chư Phật mười phương công lao đó cũng như nhau, đâu chỉ sáu mươi hai ức thôi sao? Vì lẽ đó vẫn trong luận tuy dường như nêu ra kinh, mà chính là tăng thêm câu để giải tích nghĩa, cũng như Phương tiện, đầu tiên thêm vào khó hiểu khó biết, muốn nói về Đại Pháp mới tăng thêm ba câu, mà vì đó giải thích rõ. Nay sáu mươi hai ức Bồ-tát cộng thêm Phật để giải thích. Từ “Lại căn cứ v.v...” trở xuống là dựa theo quán giải thích. Tuy ba thứ quán đều được tên gọi là tu mà Trung là tánh, vì thế cho nên có thể nói hai quán phát ra Trung. Hai quán thật sự không giống nhau ấy là do phá - lập không giống nhau. Tuy chính là không giống nhau mà cả hai đều là đức của Trung đạo. Hai quán và Trung đạo suy cho cùng không khác nhau, Trung đạo đã ngang bằng, hai quán lẽ nào không bằng nhau? Thế nên nói Không thì cả ba đều là không, Giả thì đều Giả, Trung thì đều Trung. Người cầu xin khó được, thật ra không giống nhau, cũng vì hai loại này cùng một pháp tánh cho nên bằng nhau. Ba là kết thành. Đây chỉ nói chung về thọ trì danh hiệu, vì chính là trong so sánh nên nói Nhất thời. Lại dẫn ra cúng Phật một đóa hoa trong Đại Phẩm, vì tương tự Nhất thời trì danh hiệu Quán Âm, điều thiện đó chảy vào biển pháp tánh, cho nên giống như biển không cùng tận. Nói đến nơi hết khổ là hai tử không còn. Bởi nói phước tung hoa khi thành Phật còn không cùng tận.

Đại Chương thứ hai là hỏi đáp, có hai: Một là nêu chương nói rõ ý, có hai: Thứ nhất là nêu chương. Hai là từ “Trước hỏi v.v...” trở xuống là nói rõ ý, có hai: Một là nói rõ khoa trước. Xưng danh thường niệm cho đến lễ bái, ba nghiệp hiện tiền, cho nên nói là hiểu rõ cơ. Bồ-tát

lấy nơi này làm cảnh sở quán. Pháp thân - linh trí tức là hai giác thể - bốn, là chân thân chia ra và hợp lại. Hưởng về chúng sanh tức là trí năng quán chính là dùng trí này ứng hiện kín đáo dứt trừ khổ đau, ngay nơi cảnh - trí này mà làm nhân duyên, cũng gọi là cảm ứng. Dùng nhân duyên này gọi là Quán Thế Âm, nhờ giải thích đã hiểu. Hai là từ “Nay hỏi v.v...” trở xuống là chỉ ra ý hiện tại chính là nói về ý nghiệp xem xét cơ - thân nghiệp hiện bày tướng - miệng nghiệp nói pháp của Quán Âm, đã làm cho chúng sanh thấy nghe hiểu biết, cho nên nói là hiển ứng. Nhưng lại không nói về tướng ba nghiệp tu hành của chúng sanh. Đây là do thiện vốn có ẩn nấp sâu xa ở trong tâm mới có thể dẫn đến cảm cho nên nói là cơ ẩn tàng. Giải thích tất cả mười cặp tức là hưởng về nghĩa của mười thứ lễ (chích) là pháp - từ - phước - ứng - châu - hiển - quyền - tích - duyên - đoạn. Hai là phân khoa giải thích kinh, có hai: Một là Phân khoa. Hai là từ “Một là vì sao v.v...” trở xuống là giải thích kinh, có hai: Một là Hỏi, có hai: Thứ nhất nêu ra vấn đề ba nghiệp. Ý hỏi về phương tiện ấy, chẳng phải là phương tiện chọn lý trước đạo mà chính là phương tiện soi xét cơ sau khi chứng. Từ “Đây là v.v...” trở xuống nói về đức của ba nghiệp, có hai: Một là Giải thích chung về ba nghiệp, có hai: Thứ nhất là nêu bày ra ba nghĩa. Hai là từ “Ba bất v.v...” trở xuống là giải thích ba nghĩa, có ba: Một là giải thích ba loại không bảo vệ, có hai: Thứ nhất là Pháp. Mười chữ như Tác Ý v.v... là nghĩa bảo vệ điều đó. Hai chữ Thật - Bất làm sáng tỏ cho tùy ý chuyển vận. Nhưng cần phải không thể bảo vệ cho ba hoặc đó, tức là có thể ba nghiệp tùy ý chuyển vận mà độ chúng sanh. Hai là từ “Thí như v.v...” trở xuống là Dụ. Từ “Ba vô v.v...” trở xuống là giải thích ba loại không sai lầm. Không bảo vệ biểu hiện cho suy tư về nghĩa vắng lặng bất dứt, không sai lầm làm sáng tỏ điều ấy dừng lại tụ hội phù hợp, đạt được lợi ích ba tất-đàn tức là thông hiểu sự việc, đạt được Đệ nhất nghĩa tức là Lý sâu xa. Ba là từ “Tam luân v.v...” trở xuống là giải thích ba Luân, có hai: Một là Nêu ra tất cả ba Luân. Ứng cơ ba nghiệp xoay chuyển tự tại, thường vì chúng sanh phá trừ ba chướng, nên gọi là Luân. Hai là từ “Tuy âm v.v...” trở xuống là giải thích bất tư nghị hóa, có hai: Một là dựa theo nghĩa giải thích về tướng. Tâm và Thể lìa xa tướng, tức là bốn tánh trí tuệ của Pháp thân. Nay tuy thù ứng mà chính là bao trùm tất cả các cơ, có thể xứng hợp với ban đầu lìa xa nơi ý niệm suy tư, cho nên đối với Pháp thân không hề giảm bớt. Hai là từ “Tịnh danh v.v...” trở xuống là dẫn kinh chứng minh để giải thích. Phân biệt các pháp chứng minh cho thù hóa, ở tại nghĩa bất động chứng minh cho bất tư nghị, ngay nơi

lý mà là Sự gọi là bất động mà động.

Từ “Hỏi ý v.v...” trở xuống là nói riêng nêu ra ý, có hai: Một là Hỏi: Hai là Đáp. Nếu tùy theo tự ý không có thể suy lường điều ấy, nếu tùy theo tha ý thì còn trùng cũng biết. Lại nữa, người không có cơ không thể suy lường, người có duyên làm cho biết rõ: Hai là từ “Phật đáp v.v...” trở xuống là trả lời, có hai: Một là Phân chia kinh, có hai: Một là Từ “Biệt v.v...” trở xuống là giải thích nghĩa, có ba: Thứ nhất trả lời riêng, có hai: Đầu tiên là suy đoán nêu ra ý kinh, có ba: Một là nói về các thân, đều trả lời về ba nghiệp, có hai: Thứ nhất giải thích về tướng, có hai: Đầu tiên lấy ba để trả lời ba. Hai là từ “Lại chỉ v.v...” trở xuống là dựa theo hai trả lời ba, có hai: Một là Hiện thân có đủ ba. Hai là từ “Nếu nói v.v...” trở xuống là nói pháp đầy đủ ba. Không giống như cây cối gió thổi dấy lên âm thanh, miệng bao gồm thân nghiệp nghĩa đó dễ hiểu, vì vậy không nói. Từ “Hai giải thích v.v...” trở xuống là kết thúc nêu ra. Từ “Từ biệt v.v...” trở xuống là dùng các thân, tóm lại đối với mười pháp giới, có hai: Một là Dựa theo nghĩa nêu ra. Nếu căn cứ vào thân nói lý phù hợp như nhau v.v... chỉ dựa theo trong kinh kết luận thì văn thuyết không nhiều, cho nên nói là mười chín, như tám bộ - bốn chúng chỉ kết hợp một thuyết mà thôi. Hai là từ “Mà văn v.v...” trở xuống là văn đầy đủ hay thiếu sót, có hai: Một là Nói về Bồ-tát, có hai: Thứ nhất nói lại bốn cách giải thích của người khác. Hai là từ “Nếu ba v.v...” trở xuống là hiện nay chọn lấy bản xưa. Nếu dựa vào phẩm trước thì phẩm này đâu thiếu sót, nếu nói là rơi sót thì phần còn lại sao không sót, nếu nói Quán Âm tức là Bồ-tát thì không cần phải tiếp tục hiện thân, Bồ-tát Diệu Âm vì sao lại hiện thân? Vì thế chép: Ba cách giải thích đều có khó khăn. Nếu dựa vào bản xưa, thì phẩm này mở rộng về nghĩa Bồ-tát hóa độ cho một pháp giới, thật là không thể thiếu sót. Hai là từ “Lại không v.v...” trở xuống là nói về địa ngục, có hai: Một là Thuật lại ba cách giải thích. Nếu dựa vào phẩm trước cũng có thể làm ví dụ, hai cách giải thích kể là tình ý câu thúc của người mà thôi. Hai là từ “Nay nói rõ v.v...” trở xuống là nói về nghĩa có bấy giờ, có hai: Một là Dựa vào trả lời chung nói về Có. Văn đã nói chung hiện bày các loại hình tướng chẳng lẽ có thể không có hình tướng nơi địa ngục hay sao? Hai là từ “Lại thỉnh v.v...” trở xuống là căn cứ vào hai kinh nói về Có. Văn “Dạo chơi năm đường” trong kinh Thỉnh Quán Âm, trước là nói về địa ngục. Kinh Phương Đẳng Đà-la-ni chép: “Bà Tẩu quyền lực to lớn thị hiện làm ng dẫn đầu đoàn người đi buôn, chấp chặt tà kiến giết dê tế trời, đọa vào địa ngục ở trong địa ngục, nói pháp giáo hóa chín mươi

ức người tội, sau đến gặp Phật đều giúp cho đắc đạo”. Đâu nói chịu khổ thay mà không nói về nói pháp; huống chi luận nói làm nhiều thân Phật, há không nói pháp hay sao? Ba là từ “Nay thông v.v...” trở xuống là dựa theo các thân đối chiếu bốn câu về cơ, có hai: Một là giải thích về tướng, có hai: Thứ nhất nêu chung bốn câu. Kinh nói chúng sinh đáng dùng thân Phật được độ, tức liền hiện thân Phật là chỉ hiện thân Phật, hay là bao gồm các thân khác cùng nhau độ chúng sanh kia? Lại là một pháp giới chỉ có cảm đến nơi Phật, hay là bao gồm các pháp giới khác cùng được cảm đến Phật? Các thân cho đến thân Chấp Kim cương có thể ứng hiện cùng nhau hay đơn độc, có thể cảm đến cùng nhau hay đơn độc không thể chấp trước nghiêng về. Vì thế nay tất cả dựa vào mười pháp giới mà ứng hiện, đối chiếu mười cơ duyên mười pháp giới, Một là nhiều đối nhau thành bốn câu, mới hiểu tướng cảm ứng của văn kinh. Hai là đối chiếu riêng ba tướng. Không chỉ riêng cảm ứng nhiều ít trở thành bốn câu, mà người pháp, nhân quả cũng có nhiều ít, cho nên cần phải tiếp tục lập thành hai loại bốn câu. Một. Bốn câu về cơ ứng, có hai: Thứ nhất là từ “Nếu diệu v.v...” trở xuống là giải thích về bốn câu, có bốn: Đầu tiên là một pháp giới độ một pháp giới. Ba “tức là v.v...” trở xuống là ba cõi đã hiện bày thân Phật, chắc chắn khắp cả ba nơi. Vì từ Đẳng Giác trở xuống đến nơi phạm phu, đều có thể cảm đến Phật, cho nên cần phải là ba cõi để nói về ứng. Đầu tiên cõi Thật Báo năng độ sở độ thuần nhất cảnh giới Phật. Hai là cõi Phương Tiện nói theo nguồn gốc mà nói, cho nên nói là năm người, sanh ở cõi kia rồi ẩn chìm gọi tên khác nhau đó, vì đều cầu Phật, vì lẽ đó cảm ứng cũng thuần là một cảnh giới. Ba là cõi Đồng Cư tạm thời nói về nơi cảnh vắng lặng đầy đủ cơ duyên cảm đến Phật, không nói về hình dáng chủng loại và bao gồm cơ duyên khác nhau, vì thế cho nên cũng thích hợp với câu thứ nhất. Hai là từ “Nếu tịch v.v...” trở xuống là một pháp giới độ nhiều pháp giới. Lại dùng cảnh vắng lặng đối chiếu với câu kế là. Không chỉ riêng hình dạng khác nhau mà cũng chính là căn khác nhau, năng cảm tuy nhiều mà năng ứng chỉ là một.

Hỏi: sao không phải hai vị Tô đối với câu kế là, sao đem vị nữ ban đầu phối hợp với hai câu vậy?

Đáp: Bốn nói về Phật giới độ cho nhiều pháp giới, Phật của hai Tô hơn kém phù hợp nhau, độn căn thấy Liệt ứng thân hãy còn là nghiêng về Không, thể chẳng phải Phật giới, cho nên dùng một Phật Trung đạo nơi cảnh vắng lặng, độ cho pháp giới Biệt - Viên - Phật - Bồ-tát và hình tướng năm đường, mới gọi là câu một pháp giới độ nhiều pháp giới. Ba

là từ “Nếu có v.v...” trở xuống là nhiều pháp giới độ một pháp giới. Các thời các hội ba thừa tám bộ giúp đỡ thuận theo Thế Tôn cùng nhau hóa độ một cơ, hoặc các vị quyền lực rộng lớn cùng chung thành tựu sự nghiệp hóa độ, hoặc Phật tự hiện thân khắp nơi mà độ một cơ. Nếu có người đáng dùng thân mười pháp giới được độ thoát, thì Quán Âm liền hiện bày mười thân mà nói pháp cho họ nghe. Bốn là từ “Nếu Phật v.v...” trở xuống là nhiều pháp giới độ nhiều pháp giới. Trong văn tạm thời dựa theo làm nên thân mười pháp giới, nhập vào khắp các đường mà làm câu này. Nếu chính là nói về điều này, hoặc có nhiều cơ cùng ở một chỗ thì phải dùng mười thân mà được độ thoát ấy, cũng tùy theo nguyện của họ. Từ “Dùng bốn câu này v.v...” trở xuống là trải qua năm vị. Nếu ngay nơi căn tánh làm cơ năng cảm, ngay nơi thể sở chứng mà làm năng ứng, thì vị sữa chỉ được một pháp giới độ hai pháp giới, vị đề hồ chỉ được một pháp giới độ một pháp giới. Nếu ngay nơi hình tướng làm cảm ứng ấy, thì trong từng vị từng đều có bốn câu. Đã nói đáng dùng thân nào được độ thoát, biết chính là dựa theo hình dạng làm cảm ứng. Người học cần phải biết dựa theo cội dựa theo vị, đừng đối chiếu câu ấy muốn cho dễ hiểu. Nếu hiểu tướng Một là nhiều của bốn câu, thì tất cả thời - xứ thuận theo tự tại mà thực hiện. Từ “Lại nữa v.v...” trở xuống là bốn câu về người - pháp. Bốn câu ở trên lấy người đối với người, bốn câu bây giờ lấy pháp đối với người, đây là do kinh chép: “Mà vì họ nói pháp”, cho nên phải tiếp tục nói về bốn câu người - pháp. Câu thứ nhất nói. Thiệt Tài từ trong thành đã trải qua một trăm mười vị, tri thức tức là năm mươi ba người. Tuy chứa đựng người giải thích mà ý ở tại sự nói pháp khác nhau. Câu thứ hai và thứ ba có thể thấy. Câu thứ tư chép: Một đoạ vượt ra sanh tử, mà nói nhiều pháp ấy là bởi lẽ đối với từng pháp từng pháp mở ra tri kiến Phật, vì mở ra mười Giới Như, đều là Thật tướng tức là nhiều pháp không thể nghĩ bàn. Bốn câu này có thể bao gồm pháp nhiều ít, tuy dẫn ra các kinh, nhưng điều biểu hiện đức năng ứng của Quán Âm. Ba là từ “Lại nữa v.v...” trở xuống là bốn câu về nhân quả. Hai loại bốn câu phía trên đối với cơ nói pháp, pháp phải tu chứng từ nhân đến quả. Tự nếu không như vậy thì Tha có hiệu quả gì? Giống như chuyển bốn đế Diệt mình đã chứng, Đạo mình đã tu, cho nên các thân nói pháp mỗi mỗi đều có nhân quả đầu cuối, mới có thể che chở chúng sanh. Vì thế trong bốn câu giới thiệu sơ lược, cảm báo cũng như vậy, cho nên nhân quả đều ít. Thanh-văn trong nhân tất cả chia ra trong ngoài, bậc Thánh có kiến tu trợ hạnh pháp chánh hạnh, khắp cả Tam tạng, mà chỉ chứng được hai loại Niết-bàn, cho nên nhân

nhiều quả ít. Độc giác không vâng chịu hành pháp ba học, chỉ quán xét sự lụi tàn thay đổi lập tức thành tựu quả rồi, có thể đầy đủ các việc thân thông biến hóa, cho nên nhân ít quả nhiều. Bồ-tát tu nhân thời gian lâu dài công hạnh rộng lớn, cho đến thành tựu hai trí muôn đức của quả Phật, cho nên nhân quả đều nhiều. Những việc như vậy đều là tất-đàn thị hiện, tu nhân chứng quả đại khái như vậy. Từ “Quán Âm v.v...” trở xuống là kết thúc chỉ ra, có hai: Một kết luận quy về công năng của bậc Thánh. Hai là từ “Có người v.v...” trở xuống là thuật lại người khác cõi bỏ trôi buộc. Tuy nhân quả nhiều lần luận đến một là nhiều giải thích lẫn nhau, nhưng không thể nào biểu hiện thể tướng quyền thật. Nay dùng mười pháp giới ba lần lặp lại bốn câu, so với nghĩa kia khác nhau như hạt bụi và ngọn núi. Từ “Xưa giải thích v.v...” trở xuống là xét định giải thích văn kinh, có hai: Một. Xét định văn kinh, có hai: Thứ nhất là xưa kia xét định, có hai: Đầu tiên chia ra ba cảnh ngọn. Hai là từ “Nếu vậy..” trở xuống là giải thích thắc mắc và trả lời. Từ “Nay nói rõ v.v...” trở xuống là hiện nay xét định. Từ “Một nói rõ v.v...” trở xuống là giải thích nghĩa, có tám: Một là bậc Thánh, có bốn: Thứ nhất là Phật thân, có ba: Đầu tiên là tướng trạng thù ứng, có hai: Một Dựa theo thân lựa chọn xác định, có hai: Thứ nhất xác định ứng hóa. Hóa tức là biến hóa, bỗng nhiên mà có thoát như vậy mà không, đại khái là tướng tạm thời lợi ích cho chúng sanh. Ứng thì ứng đáp với chúng sanh trước sau, như người dân cõi Cực lạc, tuổi thọ không thể tính kể Phật cũng vô lượng. Cõi Ta bà này tuổi thọ ngắn ngủi Phật chỉ tám mươi tuổi, có ngày giáng sanh có lúc nhập diệt, tức là tám tướng của Phật. Nếu tìm những điều ấy, dựa vào nêu ra ba thừa - tám bộ - bốn chúng, đến thân Kim Cương, rõ ràng là tướng của một kỳ hạn hóa vật, biết chẳng phải bỗng nhiên như vậy. Từ “Hỏi: Sao không dùng v.v...” trở xuống là phân biệt chân ứng, có hai: Một là hỏi: Vì hướng đến văn mà hỏi: “Diệu Giác Pháp thân ứng với ba cõi nói pháp bao trùm cơ; đã vốn là chân Phật, sao dùng thù ứng mới nói pháp? Hai là Đáp: Tuy nói nhiều loại, nhưng đâu vượt ngoài bốn thân Pháp - Báo - Ứng - Hóa? Pháp thân thì xa xăm mà khó chỉ ra, Ứng - Hóa thì gần kề mà dễ thân cận, Báo thân thì vừa xa vừa gần, trí giống như Pháp thân mà hình như thuộc về Thắng Ứng. Bát-nhã Tán chép: “Ứng Hóa chẳng phải bậc chân là bậc này dùng chân pháp mà quyết định Ứng - Hóa, vậy thì tướng của vô tướng mới gọi là chân Phật, thuyết của vô thuyết mới gọi là nói pháp”. Dựa theo Diệu Giác Pháp thân v.v... ở đây phải trụ ở thượng phẩm Tịch Quang, mới là chân pháp, Bồ-tát thượng địa cũng không thể nhìn thấy, vì từ Đẳng Giác trở

xuống đều trụ ở quả báo và dựa vào nghiệp thức thấy Phật. Nếu hưởng về Diệu Giác đều là Thắng Ứng, do đó nói chân pháp sâu xa. Như Diệu Âm v.v... ấy là hỏi Diệu Âm đến từ phía Đông, trước đó hiện bày hoa sen và tám muôn bốn ngàn thứ báu, Văn-thù thấy rồi lại thưa hỏi Đức Phật. Căn cứ vào đây cũng là không nhận biết tướng ứng, sao bỗng nhiên dẫn chứng không biết chân thân? Đáp: Đây chính là thấy Tích mà không nhận biết Bốn, tức là không biết chân thân vậy. Do đó xuống dưới hỏi rằng Bồ-tát này gieo trồng gốc thiện nào, tu công đức gì, thực hành Tam-muội gì, tức là chân pháp. Từ “Nếu từ v.v...” trở xuống là ngay nơi cội phân biệt, có ba: Một là Thật báo, có hai: Thứ nhất chỉ ra tướng ứng. Viên mãn tướng tốt ấy là như phẩm Như-lai Tướng Hải và phẩm Tùy Hảo Quang Minh trong kinh Hoa Nghiêm nói về mười thế giới Liên Hoa tạng tướng như số cát bụi mỗi tướng đều dùng diệu tướng trang nghiêm. Nói về nhất thật đế, nếu dựa theo giáo đạo, Thật báo còn có cơ duyên Biệt giáo, cũng nói về vô lượng bốn đế, nay nói theo thật, hai là chỉ ra cơ nghi. Bốn mươi một Địa đều giống với Diệu Giác phần về Thể Dụng, cho nên không thể dùng thân của chín pháp giới và thân liệt ứng để ứng hiện. Từ “Lại nữa v.v...” trở xuống là Hữu Dư, có hai: Một là Nói về hữu- vô, có hai: Thứ nhất là Đại - Tiểu thừa hữu vô. Hai cội Phương tiện và Thật Báo đều nhận chịu Biến dịch sanh tử. Riêng gọi hai cội này tức là cội trên từng phần phá thì đây hoàn toàn còn, nên miễn cưỡng chịu tên gọi vậy. Tiểu thừa không nói về thường trụ Phật tánh, kiến tư nếu hết thì quả báo cũng không còn. Đại thừa bàn nói về thường, cho nên ngoài ba cội lại đặt ra ba cội, vô minh hoàn toàn phá trừ thì ở cội Tịch Quang, phá trừ từng phần thì Thật Báo hoàn toàn ở hữu dư. Năm loại ý sanh thân tức là hoàn toàn còn ở đây vậy. Lãng già chỉ nói về ba loại ý sanh thân, tông phái bây giờ dựa theo nghĩa mở ra làm năm loại.

Và ba loại ấy là:

1. Nhập Tam-muội lạc ý thành thân, đây là mô phỏng theo ý nhập vào Không của nhị thừa.
2. Giác pháp tự tánh ý thành thân, đây là mô phỏng theo ý ra khỏi Giả của Bồ-tát Thông giáo.
3. Chủng loại câu sanh vô tác ý thành thân, đây là mô phỏng theo ý tu trung của Bồ-tát Biệt giáo.

Nếu mở ra thành năm loại là: Đối với Tam-muội mở ra hai giáo nhị thừa, đối với các Giác pháp mở ra mười Hạnh của Biệt giáo; hoặc làm thành bảy loại thì hai giáo nhị thừa đều mở ra làm hai. Không nói

về mười Trú của Biệt giáo là vì nghĩa giống như nhị thừa nhập vào không. Nếu nói về chín người sanh về cõi phương tiện lại chọn lấy mười trụ của Biệt giáo, và phân biệt mười Tín của Viên giáo, xếp vào ba loại ý sanh thân, vì chưa dứt trừ vô minh chưa sanh về thật báo. Nói chung ý ấy là vì chưa phát chân, đều là tác ý mà thành, lấy sanh đều từ quả mà nói. Ở đây dựa vào Diệu Huyền và Phụ Hạnh tóm tắt sơ lược mà phân rõ.

Từ “Thích Luận v.v...” trở xuống là kinh luận phân định chắc chắn. Từ “Đây ứng v.v...” trở xuống nói về Cơ - Ứng, có hai: Hai là Trình bày chỉ nêu ra hai ứng. Một là nêu ra Thắng ứng.

Hỏi: Thân Thật Báo trước đây mà lại nói ứng này chẳng phải cõi khác kham nhận, đến đây sao nói là viên mãn tướng hải, như Thật Báo trước kia?

Đáp: Ứng kia thật sự cơ và ứng phân chia, kết hợp, Ứng này dường như cơ và ứng chưa kết hợp, ở đây hãy còn tác ý - ở kia thì tùy ý thực sự, năng kiến đã sai khác thì sở kiến lẽ nào là một? Chỉ vì cơ này đã điều phục hoặc vô minh là dứt trừ phần ít, cho nên dùng tướng Báo thân dẫn dắt giúp cho nhập vào chân. Nói rằng như trước ấy là gần giống Thật Báo chẳng phải nói là hoàn toàn giống nhau. Hai là nêu ra Liệt Ứng.

Hỏi: Cõi này một vị Phật, chỉ ra hai thứ tướng mạo hơn kém và tướng tôn đặc - trượng sáu kết hợp của thân ở cõi Đồng Cư, giống nhau và khác nhau thế nào?

Đáp: Hai Ứng ở cõi Phương Tiện, chỉ nói thứ tự và không thứ tự về hai loại Đại thừa - năm loại ý sanh. Cõi đó vãng lãnh giáo pháp tuy có lợi độn, nhưng đều đã vãng chịu Đại thừa học trí tuệ Phật, đều biết thân Phật là tánh Đại Giác, người có thể tu trung quán điều phục vô minh, thấy tướng thì Thắng, nếu đối với hai quán chưa điều phục vô minh, thấy tướng thì kém. Tướng tuy hơn kém mà chỉ có một Tôn Đặc cho nên chẳng phải thân kết hợp. Nếu ở cõi Đồng Cư lúc thuyết về Thông giáo, độn căn chỉ thấy không, cho nên cảm thân trượng sáu; lợi căn thấy bất không, cho nên cảm thân Tôn Đặc. Hai cơ Đại - Tiểu đối với một thân Phật thấy - hiểu có khác nhau, cho nên gọi là thân kết hợp trượng sáu và Tôn Đặc. Đây thuận là Đại thừa nhìn thấy cho nên không gọi là Hợp. Từ: “Vì cơ gì v.v...” trở xuống là trình bày chỉ che phủ hai cơ, có hai: Một là Tổng quát chỉ ra. Hai là từ: “Nếu viên v.v...” trở xuống là tác biệt chỉ ra. Nói người Viên giáo chưa phá trừ vô minh ấy tức là từ Tín thứ bảy trở lên. Nói phá bỏ từng phần trong Nhân Vương Bát-nhã nói về hoặc của mười Địa có ba mươi phẩm, đã ở tại một Địa

tự nhiên có ba phẩm thì biết bốn mươi hai địa vị Thánh bên Viên giáo đều có ba phẩm. Ba phẩm ở Sơ trú tức là ba tâm của Tín thứ mười dùng quán đối chiếu phá trừ. Tâm ban đầu (sơ tâm) dùng quán đối chiếu với Phẩm Thượng, phá trừ tâm khoảng giữa (trung tâm). Tâm khoảng giữa dùng quán đối chiếu với Phẩm Trung, phá trừ tâm sau cuối (hậu tâm). Tâm sau cuối dùng quán đối chiếu với phẩm Hạ, nếu phá phẩm này thì mới gọi là Sơ Trú, sanh về cõi Thật Báo. Nay nói phá trừ từng phần hãy còn sanh về cõi Phương Tiện, tức là tâm khoảng giữa và sau cuối của Tín thứ mười. Như người bậc Đẳng Giác an trú vào tâm sau cuối, trải qua nhiều kiếp, mới phá trừ phẩm Hạ chứng nhập Diệu Giác. Địa vị Hồi hướng của người Biệt giáo thì sơ tâm mười hồi hướng, đều gọi là chưa phá. Hai tâm khoảng giữa và sau cuối của hồi hướng thứ mười, gọi là phần phá. Người Viên Giáo và Biệt giáo này đều tu Trung quán, điều phục phá trừ vô minh tuy sanh về cõi Phương Tiện mà căn của họ đã là lợi căn, cảm thân Thắng Ứng của Phật nói về pháp viên đốn. Trú thứ bảy bên Biệt Giáo đến địa vị mười Hạnh, và Bồ-tát bên Thông giáo nghiêng về quán đối với Giả, Tạng - Thông nhị thừa nghiêng về ở tại nơi Không, những bậc này sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Tuy đã biết về Thường, mà cầu trí tuệ Phật hãy còn ngưng trệ ở hai bên, và chưa quán điều phục vô minh hoặc, căn của họ đã là độn căn, chỉ cảm được thân Liệt Ứng nói về pháp tiệm thứ. Ba là cõi Phạm Thánh Đồng cư. Hoặc gọi là cõi Tịnh Uế Đồng cư, nghĩa là Tịnh độ và Uế độ, đều có Phạm Thánh mà cùng cư trú. Giải thích điều này chia làm hai: Một là Giải thích về tướng, có hai: Thứ nhất trình bày chung về hai độ - hai căn, có hai: Đầu tiên nói về hai tướng sở cảm, có ba: Một là Hai cõi Tịnh - Uế. Nói về cõi Tịnh Uế thì có ngang có dọc. Nếu lấy phần đoạn đối chiếu với Biến dịch, làm thành Tịnh - Uế ấy, thì dựa vào theo tất cả hoặc hết hay không hết mà nói, tức là nói về chiều dọc (thụ). Như Thích Luận chép: “Vượt ra ngoài ba cõi cõi nước thanh tịnh, Thanh-văn - Duyên-giác sinh ra trong đó.” Nếu đối với phần đoạn tự nói về Tịnh - Uế, thì dựa năm trước nhẹ nặng đối lập với nhau, tức là nói về chiều ngang. Nay hướng về Cực lạc và cõi nước thanh tịnh tốt đẹp đối chiếu với Kham nhẫn, là theo chiều ngang mà không phải chiều dọc, cho nên giả sử Tịnh độ có cái độc của kiến tư, mà không có tên gọi ác đạo, độc không phải là nhân của khổ, thì kiến và phiền não là hai trước nhẹ, quả báo trang nghiêm thanh tịnh kiếp số tuổi thọ bình thường, chúng sanh ở đây có gì gọi là thấp hèn! Nguyện hạnh của ngài Di Đà gồm nhiếp hết, vì thế mức độ nhẹ không phải là đoạn hoặc mới sanh về trong đó, vì chúng sanh từ thiện năm

ngịch ở thế gian xưng niệm danh hiệu Phật cũng có thể sanh đến, cho nên tướng uestạp của Ta-bà nhìn thấy tận mắt có thể biết. Đây là nói về chiều ngang của hai cõi Tịnh - Uế, mà hai cõi này đều có phàm - Thánh, phàm giống như trước đây đã nói. Thánh có hai loại, đó là Ứng lai Thanh - có tu đắc Thánh. hai cõi đều như vậy. Hai là hai căn lợi - độn. Cõi có trước sâu nặng thì nói về căn ngộ đạo tự có lợi - độn. Cõi có trước nhẹ nhàng thì căn cũng có lợi - độn, lấy cõi đối với căn cho nên làm thành bốn câu. Ba là năm trước nhẹ - nặng. Thân hình thấp bé tức là chúng sanh trước, thời gian thô kệch nguy hiểm tức là kiếp trước, ba trước còn lại tên gọi hiển bày rõ Tịnh độ không như vậy ấy là, như trong Đại Bản Sớ Văn chép: “Đã nói năm trước thì cái gì là năm sạch (thanh)? Đáp: Theo ví dụ về tà chánh ba độc tà là năm trước, chánh là năm thanh, Tịnh độ ở phương khác không có ba độc của tà, thì năm chướng nhẹ nhàng. Từ “Vì sao v.v...” trở xuống là nói về hai hạnh năng cảm. Nói về phước đức ấy tức là ba loại phước vậy Như kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật chép: “Một là hiếu dưỡng cha mẹ - phụng sự sư trưởng từ tâm không giết hại, tu mười thiện nghiệp. Hai là thọ trì ba quy y - đầy đủ các giới, không phạm oai nghi. Ba là phát tâm Bồ-đề - thân tín nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa khuyến khích người thực hành tinh tiến. Ba loại nghiệp này là chánh Nhân Tịnh độ của chư Phật ba đời.” Sớ đó chép: “Nghiệp thứ nhất gồm có phàm phu nghiệp thứ hai gồm có nhị thừa, nghiệp thứ ba là nghiệp bất cộng của Đại thừa kinh đó chép”: “Người muốn sanh về cõi nước Tịnh độ, nên tu ba phước”: Vì vậy nay chép: Tu nhiều phước đức và tu phước không nhiều, là hạnh của hai cõi, dựa vào phước này mà luận bàn vậy. Từ: “Nếu uest v.v...” trở xuống là tách biệt nêu ra hai căn của Uế độ, có hai: Một là nêu ra bốn câu về thừa - giới, có hai: thứ nhất thiết lập câu về tướng giới luận đến mười giới. Chỉ áp dụng không thiếu sót - không phá hoại - không xuyên thủng - không xen lẫn. Bốn loại này ba việc trước là Giới một việc sau là Định, đều là nhân của trời người. Không giữ lấy - tùy theo đạo - không mê đắm trí như khen ngợi tự tại, tùy theo Định đầy đủ, dùng sáu loại này tuy gọi là Giới, mà thể là ba quán tự thuộc về nơi Thừa. Thừa nói về năm thừa không chọn lấy trời người, vì hai loại đó tuy gọi là Thừa, mà không động, không xuất Thế là thiện sự hữu lậu thuộc Giới gồm nhiếp, chỉ chọn lấy ba thừa dùng hàng Thanh-văn bao gồm bốn giáo, là nhập vào lý trí tuy phân biệt sâu cạn, mà đều có thể chuyển động vượt ra phiền não sanh tử, cho nên được gọi là Thừa. Nay dùng bốn giới mà đối chiếu với ba thừa, nói về chậm và nhanh để làm thành bốn câu. Hai

là từ: “Giới nhanh v.v...” trở xuống là phân định về sở cảm. Thừa và Giới dựa theo quá khứ, Cơ và Cảm dựa theo hiện tại. Hai là từ: “Cơ có v.v...” trở xuống là nói về hai căn Đại - Tiểu, có hai: Một là Trình bày chung về Đại - Tiểu cảm Phật. Không hỏi về việc Giới có giữ gìn có hủy hoại, chỉ luận đến học hỏi luyện tập về lý Thừa Đại - Tiểu. Vì thế cho nên trong văn thiết lập Giới trình bày Thừa. Do đó kinh Niết-bàn chép: “Người trì hoãn Giới đó không gọi là trì hoãn, người trì hoãn đối với Thừa mới gọi là trì hoãn.” Vì người trì hoãn Giới chỉ làm mất trời người, nếu trì hoãn Thừa đó thì không có đường giải thoát. Thừa chia ra Đại - Tiểu thừa, chỉ cảm được hình tướng và âm thanh của Liệt Ứng Phật. Xưa là người thực hành Trung đạo tu quán, nay là cơ Đại thừa có thể cảm được hình dung và âm thanh của Thắng Ứng Phật. Nói về bậc giảng thân ấy: Xưa kia Như-lai ở nơi Đức Phật Đại Thông, giảng lại Pháp Hoa cho vô lượng chúng sanh làm nhân Nhất thừa, đến giữa chừng lui sụt Đại Tiểu thừa, nhiễm trước năm trần, Đức Phật sợ rơi vào khổ đau, liền dùng Tiểu thừa mà cứu bạt cho họ, hoặc vì vậy khai triển thành ba mà dẫn dắt họ. Như vậy các loại Đại - Tiểu đều thành thực, có thể ở nơi đời này ngộ nhập Phật thừa, vì thế cho nên Như-lai vì một sự việc này mà xuất hiện ở thế gian. Nhưng căn cơ phát khởi đó lại ít sai khác, cho nên từ một đời mà chia ra năm thời kỳ, có cơ có thể đi thẳng vào nơi thật, có cơ chỉ có thể chuyển biến nhập vào nơi thật, tuy hai loại này thành thực ở tại một thời kỳ, mà đối với Hoa Nghiêm mau chóng bàn về Viên - Biệt, che phủ hai loại cơ, cơ này từ đầu liền thấy tướng Thắng Ứng. Nếu ở chặng giữa người luyện tập Tiểu thừa sâu sắc, tuy ở đời này nhập vào một Phật thừa, mà Tiểu thừa thành thực trước, cho nên vì cơ này thị hiện thân Liệt Ứng. Đầu tiên nói về Tam tạng, các vị điều hòa thành thực, đến nơi Pháp Hoa mới mở ra tuệ Phật, cơ này lúc đầu chỉ thấy thân Liệt Ứng, cho nên giảng vào thai mẹ tức là thị hiện hai tướng.

Hỏi: Hoa Nghiêm mau chóng về sau mới lập bày hóa độ Tiểu thừa, giống như kẻ cùng tử gấp rút truy tìm không đến, từ từ nói mới đến. Trước đốn sau tiệm nghĩa đó dễ dàng thành tựu. Nay sao bỗng nhiên nói giảng thân mẫu thai tức là thị hiện hai tướng?

Đáp: Các văn vốn nói về đầu tiên là đốn kế đến tiệm, bởi là nói về lập bày nghi thức cảm hóa. Nay ở đây đã nói về Đại - Tiểu cả hai thuận theo cuối cùng quay về Nhất thừa, mới không còn sự việc xem xét cơ từ đầu đến cuối, như phẩm Phương Tiện chép: “Suy nghĩ không có cơ Đại thừa nên trong ý niệm muốn ngừng giáo hóa, chư Phật

khuyến khích an ủi dò mới thi hành Tiểu thừa.” Kế là văn lại chép: “Từ vô lượng kiếp đến nay khen ngợi pháp Niết-bàn, sanh tử mãi mãi không còn Ta thường nói như vậy. Vì thế cho nên suy nghĩ về cơ sau đó lập ra Tiểu thừa.” Nói những lời này đều là nghi thức, không thể dựa vào đây để chất vấn vấn này. Dự định xem xét mọi căn cơ từ đầu cần phải trọn vẹn, là ý của độ thoát cho người. Hai là từ: “Đốn cơ v.v...” trở xuống là nêu riêng Đại - Tiểu được lợi ích, có hai: Một. Tương lợi ích của cơ Đại thừa. Chúng sanh cùng loại trước tiên thành thực hạt giống Đại thừa thì cảm được thân Thắng Ứng, nhập vào thai, trú trong thai là ra khỏi thai là thành Phật thì tướng đó đều là Thắng, chuyển một thật đế tức là bộ Hoa Nghiêm. Lập tức thuyết ra Viên giáo, đã bao gồm Biệt giáo, cho nên nói là vô lượng. Kinh đó dự định nói về một đời từ trước đến sau, cho nên lập ra thí dụ: “Giống như mặt trời mọc đầu tiên soi sáng trên đỉnh núi cao, kế là chiếu rọi khe núi sâu tối, sau cùng mới soi chiếu đất bằng.” Nghĩa của tông phái này khai triển đất bằng làm thành ba, đối với Niết-bàn là năm loại ý vị (ngư vị). Cơ Đại thừa là núi cao thường cảm được đốn giáo, ánh mặt trời soi sáng trước, tức là thấy Phật tánh có thứ tự và không thứ tự. Nếu trong Niết-bàn ví như từ trâu sinh ra sữa, lần lượt năm vị, thì đối với ý vị năm thời giáo trong một đời, lần lượt sanh ra nhau. Nay nói về Đốn Cơ, thường thấy Phật tánh, vì thế cho nên bao gồm sử dụng thí dụ của ăn cỏ (thực thảo?), chính là dùng núi tuyết ví như xá Na Phật, nhấn chịu rơm cỏ ví như mười hai bộ kinh, trâu ăn ví như Cơ Đại thừa tu quán, liền được tinh chất của sữa (đề hồ) ví như thấy Phật tánh.

